

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Khương Thị Thanh B**, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà x, tổ y, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Số nhà z, ngách c, ngõ s, đường T, tổ d, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Vũ Đình T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị B có mặt, anh T, bà H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khương Thị Thanh B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/5/2004. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống với nhau tại phường T, thành phố Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 5 năm 2019 nên chị và anh T ly thân từ đó đến nay. Anh T về sống cùng mẹ tại thôn T, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì gia đình 2 bên có hòa giải nhưng vợ chồng chị không đoàn tụ được. Đến nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị và anh T không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/7/2004 và Vũ Đình A, sinh ngày 09/8/2013, từ khi vợ chồng ly thân cả hai con đều đang do chị nuôi dưỡng, anh T không quan tâm gì đến các con. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay thu nhập của chị là 8.500.000 đồng/ 01 tháng. Chị có mẹ đẻ và hai chị phụ giúp trong việc chăm nom hai con.

Về phần tài sản chung: vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn yêu cầu về việc được quyền nuôi con khi vợ chồng ly hôn của anh T ghi ngày 22/7/2020 thể hiện: Anh có việc đột xuất không đến Tòa án được. Anh có đầy đủ điều kiện vật chất, thời gian, tình cảm để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ toàn diện cho cháu Vũ Đình A nên anh đề nghị Tòa án cho anh được nuôi cháu Vũ Đình A và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng là bà Trịnh Thị H (mẹ đẻ của anh T) về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng cũng như chị Bình trình bày. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Khi gia đình bà nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà H đã giao cho anh T. Bà đề nghị Tòa

án giao con Vũ Đình A cho anh T nuôi dưỡng, bà sẽ phụ giúp anh T trong việc trông nom chăm sóc con chung.

* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Vũ Ngọc Yến N và Vũ Đình A đều thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị B khi bố mẹ ly hôn.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị B được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/7/2004 và Vũ Đình A, sinh ngày 09/8/2013 cho chị Khương Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ

tháng 5 năm 2019 đến nay. Anh T đã biết việc chị B có đơn xin ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án và không có ý kiến xin đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn anh T.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/7/2004 và Vũ Đình A, sinh ngày 09/8/2013, anh T có ý kiến xin được nuôi con nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Khi vợ chồng ly thân 2 con chung ở với chị B, nguyện vọng của hai cháu đều muốn ở với mẹ, chị B có đủ điều kiện nuôi hai con, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cả hai con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Khương Thị Thanh B được ly hôn anh Vũ Đình T.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Khương Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 10/7/2004 và Vũ Đình A, sinh ngày 09/8/2013. Không đặt ra việc giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Khương Thị Thanh B và anh Vũ Đình T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Khương Thị Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003800 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị Khương Thị Thanh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Khương Thị Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/9/2020.

Anh Vũ Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 27/5/2004)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương